

Số: /BC-UBND

Tuần Giáo, ngày 29 tháng 6 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**Quyết toán ngân sách địa phương năm 2022**

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về việc ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;*

*Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định về thời gian gửi báo cáo, mẫu biểu đảm bảo lập kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương; dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương; thời gian giao dự toán và thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương các cấp;*

*Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022 và các Quyết định bổ sung ngân sách năm 2022 của UBND tỉnh Điện Biên;*

*Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện Tuần Giáo về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022.*

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo và trình HĐND huyện báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022, như sau:

**A. QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

**I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn**

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 56.199.613.301/54.000.000.000 đồng, đạt 104,1% dự toán HĐND huyện giao (sau đây viết tắt là dự toán), gồm:

1. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý: 1.540.072.466 đồng.

2. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý: 68.619.019 đồng.

3. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 23.505.321.152/20.300.000.000 đồng, đạt 115,8% dự toán.

4. Lệ phí trước bạ: 8.046.013.478/5.100.000.000 đồng, đạt 157,8% dự toán.

5. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 219.377.943/50.000.000 đồng, đạt 438,8% dự toán.

6. Thuế thu nhập cá nhân: 1.967.043.092/1.800.000.000 đồng, đạt 109,3% dự toán.

7. Thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản: 2.839.565.995/2.750.000.000 đồng, đạt 103,3% dự toán.

8. Phí, lệ phí: 1.557.570.800/1.350.000.000 đồng, đạt 115,4% dự toán.

9. Thu tiền sử dụng đất: 7.584.308.300/20.000.000.000 đồng, đạt 37,9% dự toán.

10. Thu tiền thuê đất, mặt nước: 3.729.088.346/1.000.000.000 đồng, đạt 372,9% dự toán.

11. Thu khác ngân sách: 5.013.252.710/1.600.000.000 đồng, đạt 313,3% dự toán.

12. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác: 129.380.000/50.000.000 đồng, đạt 258,8% dự toán.

## **II. Tổng thu ngân sách địa phương**

Tổng thu ngân sách địa phương: 869.883.491.588/715.818.000.000 đồng 121,5% dự toán.

1. Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp (hưởng 100%): 51.092.697.411/51.145.000.000 đồng, đạt 99,9% dự toán.

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 778.090.147.000/664.673.000.000 đồng, đạt 117,1% dự toán.

- Thu bổ sung cân đối: 664.529.000.000/664.529.000.000 đồng, đạt 100% dự toán.

- Thu bổ sung có mục tiêu: 113.561.147.000/144.000.000 đồng, đạt 78.861,9% dự toán.

3. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 40.062.023.877 đồng.

- Ngân sách huyện: 36.946.593.267 đồng.

- Ngân sách xã: 3.115.430.610 đồng.

4. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 638.623.300 đồng.

5. Thu kết dư năm trước: không.

## **B. QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

Tổng chi ngân sách địa phương: 869.883.491.588/ 715.818.000.000 đồng, đạt 121,5% dự toán. Chi tiết như sau:

### **I. Chi cân đối ngân sách địa phương**

Chi cân đối ngân sách địa phương: 745.558.390.866/715.674.000.000 đồng, đạt 104,2% dự toán. Cụ thể:

**1. Chi đầu tư phát triển:** 38.101.446.567/40.234.000.000 đồng, đạt 94,7% dự toán, trong đó:

- Chi đầu tư XD CB vốn trong nước: 29.775.514.000/22.234.000.000 đồng, đạt 133,9% dự toán.

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 6.676.846.520/18.000.000.000 đồng, đạt 37,1% dự toán<sup>1</sup>.

- Chi đầu tư từ các nguồn vốn khác: 1.649.086.047 đồng.

**2. Chi thường xuyên:** 707.456.944.299/661.207.000.000 đồng, đạt 107% dự toán. Cụ thể từng nội dung chi như sau:

- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 443.368.036.804/416.126.000.000 đồng, đạt 106,5% dự toán.

- Chi khoa học và công nghệ: 833.921.583/600.000.000 đồng, đạt 139% dự toán.

- Chi quốc phòng: 8.344.345.249/6.543.000.000 đồng, đạt 127,5% dự toán.

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: 5.362.951.500/3.299.000.000 đồng, đạt 162,6% dự toán.

- Chi y tế, dân số và gia đình: 3.693.806.800/200.000.000 đồng, đạt 1.846,9% dự toán<sup>2</sup>.

- Chi văn hóa thông tin: 3.883.655.694/2.883.000.000 đồng, đạt 134,7% dự toán.

- Chi phát thanh, truyền hình: 5.059.811.989/2.488.000.000 đồng, đạt 203,4% dự toán<sup>3</sup>.

- Chi thể dục, thể thao: 914.000.000/891.000.000 đồng, đạt 102,6% dự toán.

- Chi bảo vệ môi trường: 3.424.447.000/2.500.000.000 đồng, đạt 137% dự toán.

- Chi các hoạt động kinh tế: 71.334.416.894/62.483.000.000 đồng, đạt 114,2% dự toán.

- Chi hoạt động của cơ quan QLNN, Đảng, Đoàn thể: 112.694.801.886/109.185.000.000 đồng, đạt 103,2% dự toán.

- Chi đảm bảo xã hội: 48.452.748.900/43.133.000.000, đạt 112,3% dự toán.

- Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật: 90.000.000/10.876.000.000 đồng, đạt 0,8% dự toán.

## **II. Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**

<sup>1</sup> Do thị trường bất động sản trầm lắng, nhu cầu chuyển nhượng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất của người dân giảm nên ảnh hưởng đến thu tiền sử dụng đất.

<sup>2</sup> Tăng chi cho phòng, chống dịch Covid-19.

<sup>3</sup> Bổ sung chi mua sắm tài sản cho Trung tâm Văn hóa – Truyền thanh – Truyền hình.

Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 31.533.327.748/144.000.000 đồng, đạt 21.898,1% dự toán<sup>4</sup>.

**1. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia:** 28.222.135.248 đồng, gồm:

1.1. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020: 1.095.960.000 đồng, trong đó: vốn đầu tư là 1.095.960.000 đồng, gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 384.087.000 đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 711.873.000 đồng.

1.2. Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025: 27.126.175.248 đồng, trong đó: vốn đầu tư là 19.420.889.000 đồng, vốn sự nghiệp là 7.705.286.248 đồng, gồm:

- Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 4.641.927.000 đồng, trong đó: vốn đầu tư là 1.135.651.000 đồng, vốn sự nghiệp là 3.506.276.000 đồng

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 3.876.020.624 đồng, trong đó: vốn sự nghiệp là 3.876.020.624 đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 18.608.227.624 đồng, trong đó: vốn đầu tư là 18.285.238.000 đồng, vốn sự nghiệp là 322.989.624 đồng.

**2. Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác**

Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: 3.311.192.500/144.000.000 đồng, đạt 2.299,4% dự toán<sup>5</sup>.

2.1. Vốn đầu tư khắc phục hậu quả thiên tai (chuyển nguồn năm 2021 sang): 102.859.000 đồng.

2.2. Vốn sự nghiệp: 3.208.333.500/144.000.000 đồng, đạt 2.228% dự toán.

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông: 144.000.000/144.000.000 đồng, đạt 100% dự toán.

- Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững: 3.064.333.500 đồng.

**III. Chi nộp trả ngân sách cấp trên**

Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 784.612.736 đồng.

**1. Chi nộp trả ngân sách tỉnh:** 145.989.436 đồng.

- Kinh phí mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng cựu chiến binh, TNXP, BTXH theo ND 20/2021/ND-CP còn dư năm 2021, năm 2022 huyện không được giao nhiệm vụ chi: 127.724.500 đồng.

<sup>4</sup> Tăng so với dự toán giao đầu năm là do trong năm ngân sách tỉnh bổ sung cho huyện để thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, CTMT phát triển lâm nghiệp bền vững và tăng chi chuyển nguồn từ năm trước sang.

<sup>5</sup> Tăng so với dự toán đầu năm là do ngân sách tỉnh bổ sung cho huyện kinh phí thực hiện CTMT phát triển lâm nghiệp bền vững.

- Vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Hỗ trợ thực hiện Đề án OCOP) còn dư năm 2021 hết thời hạn giải ngân theo quy định: 1.331.000 đồng.

- Vốn sự nghiệp chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững còn dư năm 2021 hết thời hạn giải ngân theo quy định: 16.933.936 đồng.

**2. Chi nộp trả ngân sách huyện: 638.623.300 đồng.**

- Thu tiền sử dụng đất: 538.623.300 đồng; trong đó 530.585.340 đồng là chi thường xuyên để thực hiện đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy CNQSD và 8.037.960 đồng là chi đầu tư.

- Kinh phí giải phóng mặt bằng nhà văn hóa xã Chiềng Đông: 100.000.000 đồng do UBND xã đã vận động nhân dân đóng góp.

**IV. Chi chuyển nguồn sang năm sau**

Chi chuyển nguồn sang năm sau: 92.007.160.238 đồng, gồm:

**1. Ngân sách cấp huyện: 80.849.459.688 đồng.**

1.1. Cân đối ngân sách: 40.916.412.436 đồng.

- Chi đầu tư phát triển: 13.236.394.679 đồng, gồm: chi đầu tư XDCB vốn trong nước, chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất.

- Chi thường xuyên: 27.680.017.757 đồng, gồm:

+ Chi các hoạt động kinh tế: 7.839.302.919 đồng, gồm: hỗ trợ nông nghiệp; hỗ trợ phát triển đất trồng lúa; hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi; 10% thu tiền sử dụng đất tiền thuê đất thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai và cấp GCNQSD đất; kinh phí giao đất, giao rừng, GCNQSD đất lâm nghiệp; chính sách phát triển cây Mắc ca theo hợp đồng liên kết sản xuất; đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đối ứng ngân sách huyện thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

+ SN khoa học và công nghệ: 115.480.070 đồng.

+ SN giáo dục – đào tạo và dạy nghề: 85.235.000 đồng, trong đó kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: 1.660.000 đồng.

+ Chi đảm bảo xã hội: 202.925.000 đồng, gồm: chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, chính sách người có uy tín, hỗ trợ tiền điện.

+ Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, tăng thu, khác: 19.437.074.768 đồng.

1.2. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020: 152.615.000 đồng.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (vốn đầu tư): 139.952.000 đồng.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (vốn đầu tư): 12.663.000 đồng.

1.3. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025: 39.773.765.752 đồng.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn sự nghiệp): 27.296.724.000 đồng.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (vốn sự nghiệp): 2.519.979.376 đồng.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 9.957.062.376 đồng.

+ Vốn đầu tư: 9.950.052.000 đồng.

+ Vốn sự nghiệp: 7.010.376 đồng.

1.4. Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác: 6.666.500 đồng thuộc vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững.

**2. Ngân sách xã: 11.157.700.550 đồng.**

2.1. Cân đối ngân sách: 4.603.494.550 đồng.

- Chi đầu tư phát triển: 1.765.800.978 đồng gồm: chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết.

- Chi thường xuyên: 2.837.693.572 đồng, trong đó đối ứng ngân sách huyện thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia (giảm nghèo bền vững, nông thôn mới): 194.000.000 triệu đồng.

+ Chi các hoạt động kinh tế: 190.229.600 đồng, trong đó đối ứng ngân sách huyện thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 190.000.000 triệu đồng.

+ Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 267.511.887 đồng, trong đó đối ứng ngân sách huyện thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 4.000.000 triệu đồng.

+ Chi quốc phòng: 30.791.000 đồng.

+ Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, tăng thu, khác: 2.349.161.085 đồng.

2.2. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025: 6.554.206.000 đồng.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (vốn đầu tư): 85.496.000 đồng.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (vốn sự nghiệp): 6.288.000.000 đồng.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 180.710.000 đồng.

+ Vốn đầu tư: 100.710.000 đồng.

+ Vốn sự nghiệp: 80.000.000 đồng.

**3. Nguyên nhân chi chuyển nguồn**

- Các chương trình mục tiêu quốc gia (vốn NSTW) được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công, Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội: 46.480.586.752 đồng.

- Các chính sách an sinh xã hội, các chương trình, nhiệm vụ phát sinh được cấp trên bổ sung sau ngày 30/9: 19.475.569.500 đồng.

- Tăng thu cân đối chi thường xuyên năm 2022 được chuyển nguồn sang năm sau: 10.815.235.146 đồng.

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương (10% tiết kiệm chi TX năm 2022, tăng thu các năm trước còn dư): 10.081.776.652 đồng.

*(Chi tiết như các biểu kèm theo)*

Trên đây là Báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022, UBND huyện trình HĐND huyện xem xét và phê chuẩn./.

**Nơi nhận:**

- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VP, TC- KH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Xuân Cảnh**